

Phụ lục XXVIII

**MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ/BẢN CÁO BẠCH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital  
Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cơ Hội Tiên Phong VinaCapital  
("VINACAPITAL-VDEF")

Số: 2026/06/17/VCFM-VINACAPITAL-VDEF

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2026

**THÔNG BÁO**

Về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CƠ HỘI TIÊN PHONG VINACAPITAL ("VINACAPITAL-VDEF") như sau:

| STT | Điều khoản   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                        |
|-----|--------------|-------------------------------------|---|---|
| 1.  | Toàn văn bản | Standard Chartered                  | SC  | Cập nhật tên viết tắt của Ngân hàng giám sát. |
| 2.  | Toàn văn bản | IICA                                | IIGA  | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.   |
| 3.  | Toàn văn bản |                                     | Sửa thống nhất cách viết số và số bằng chữ theo nguyên tắc số viết bằng chữ trước và theo sau là số trong ngoặc đơn | Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản.      |
| 4.  | Toàn văn bản |                                     | Sửa thống nhất viết hoa, viết thường theo các khái niệm đã được định nghĩa tại phần ĐỊNH NGHĨA                      | Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản.      |



| STT | Điều khoản                  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|-----------------------------|--|---|---|
| 5.  | Toàn văn bản                | Tên tiếng Việt: Quỹ đầu tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital<br>Tên tiếng Anh: VinaCapital Dynamic Dividend Equity Fund  | Tên tiếng Việt: Quỹ đầu tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động <b>Cơ Hội Tiên Phong</b> VinaCapital<br>Tên tiếng Anh: VinaCapital <del>Dynamic Dividend</del> <b>Discovery</b> Equity Fund  | Cập nhật tên của Quỹ                        |
| 6.  | II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI | ...<br>“Đại Hội Nhà Đầu Tư”<br>là đại hội của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyền quyết định của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.<br>...<br>“Giá mua lại”: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Bản Cáo Bạch này.<br>...<br>“Ngày Định Giá”<br>là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch này và theo quy định pháp luật hiện hành.<br>...<br>“HOSE”<br>là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.<br>...<br>“Ngày Làm Việc” | ...<br>“Đại Hội Nhà Đầu Tư”<br>là đại hội của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyền quyết định của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.<br>...<br>“ <b>Mức phòng vệ thanh khoản</b> ”: là mức áp dụng đối với Nhà Đầu Tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở <b>sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng</b> .<br>“Giá mua lại”: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Bản Cáo Bạch này. <b>Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</b><br>...<br>“Ngày Định Giá”<br>là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định <b>pháp luật</b> , của Điều | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |

| STT              | Điều khoản   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung                               |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
|------------------|--|--|--|--|-------------------|------------------------------------|---|--|-----------|-------|---|---|-----------|--------|---|---|-----------|--------|------------------|--|-------------------|-------------|---|-----|-------------|-------------------|------------------------------------|---|---|-----------|-------|---|---|-----------|--------|---|---|-----------|--------|------------------|--|-------------------|-------------|--|
|                  |  | là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.   | <p><del>Lệ Quỹ và, Bản Cáo Bạch này và theo quy định pháp luật hiện hành.</del></p> <p>...</p> <p><del>"HOSE"</del></p> <p>là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>...</p> <p><del>"Ngày Làm Việc"</del></p> <p>là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ, <b>nghi bù theo quy định pháp luật</b> mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.</p> |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 7.               | <p>IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ</p> <p>2. Giới thiệu các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ</p>                 | <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông</th> <th>Số lượng cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands)</td> <td>1.031.800</td> <td>9,38%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Asia Investment &amp; Finance Limited (thành lập tại BVI)</td> <td>5.242.600</td> <td>47,66%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)</td> <td>4.725.600</td> <td>42,96%</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Tổng cộng</b></td> <td><b>11.000.000</b></td> <td><b>100%</b></td> </tr> </tbody> </table> | STT  | Tên cổ đông  | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%) | 1 | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands) | 1.031.800 | 9,38% | 2 | Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại BVI) | 5.242.600 | 47,66% | 3 | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI) | 4.725.600 | 42,96% | <b>Tổng cộng</b> |  | <b>11.000.000</b> | <b>100%</b> | <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông</th> <th>Số lượng cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey Islands)</td> <td>1.031.800</td> <td>9,38%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Asia Investment &amp; Finance Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)</td> <td>5.242.600</td> <td>47,66%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)</td> <td>4.725.600</td> <td>42,96%</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Tổng cộng</b></td> <td><b>11.000.000</b></td> <td><b>100%</b></td> </tr> </tbody> </table> | STT | Tên cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%) | 1 | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey Islands) | 1.031.800 | 9,38% | 2 | Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI) | 5.242.600 | 47,66% | 3 | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI) | 4.725.600 | 42,96% | <b>Tổng cộng</b> |  | <b>11.000.000</b> | <b>100%</b> | Cập nhật nơi thành lập của các cổ đông |
| STT              | Tên cổ đông  | Số lượng cổ phiếu  | Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)   |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 1                | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands)   | 1.031.800  | 9,38%  |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 2                | Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại BVI)  | 5.242.600  | 47,66%   |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 3                | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)  | 4.725.600  | 42,96%   |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>11.000.000</b>  | <b>100%</b>  |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| STT              | Tên cổ đông  | Số lượng cổ phiếu  | Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)   |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 1                | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey Islands)      | 1.031.800  | 9,38%  |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 2                | Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)  | 5.242.600  | 47,66%   |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 3                | VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)                                | 4.725.600  | 42,96%   |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>11.000.000</b>  | <b>100%</b>  |  |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |
| 8.               | <p>IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ</p> <p>3. Giới thiệu các nhân sự chủ chốt của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ</p> | <p>...</p> <p>3.4. Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ</p> <p>3.4.1. Khái Quát Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ</p> <p>...</p>  | <p>...</p> <p>3.4. Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ</p> <p>3.4.1. Khái Quát Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ</p> <p>...</p>  | Cập nhật tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ |                   |                                    |   |  |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |   |     |             |                   |                                    |   |   |           |       |   |   |           |        |   |   |           |        |                  |  |                   |             |  |

| STT         | Điều khoản      | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới | Lý do sửa đổi, bổ sung |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |
|-------------|-----------------|--|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|------|-----------------|----------------|------|-----------------|-----------------|------|-----------------|---------------|------|-----------------|----------------|-------------|-----------------|-------------|---|--|
|             |                 | <p>VinaCapital là công ty tiên phong trong lĩnh vực quỹ mở và các sản phẩm đầu tư cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. VinaCapital đang quản lý các sản phẩm và dịch vụ đầu tư sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (“VINACAPITAL-VFF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (“VINACAPITAL-VEOF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (“VINACAPITAL-VESAF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital (“VINACAPITAL-VIBF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (“VINACAPITAL-VLBF”);</li> <li>- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh tế Hiện đại VinaCapital (“VINACAPITAL-VMEEF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (“VINACAPITAL-VDEF”);</li> <li>- Quỹ ETF VinaCapital VN100;</li> <li>- Dịch Vụ Quản Lý Danh Mục Ủy Thác Đầu Tư – Ngoài các quỹ mở, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital cũng đã phát triển dịch vụ quản lý danh mục ủy thác đầu tư trong các năm vừa qua nhằm phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân có vốn lớn và/hoặc nhu cầu đầu tư mà quỹ mở chưa đáp ứng được.</li> </ul> <p>...</p> <p><b>3.4.2. Tình Hình Hoạt Động Kinh Doanh Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong 5 Năm Gần Nhất</b></p> <table border="1" data-bbox="510 1209 1142 1313"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Doanh thu (VNĐ)</th> <th>Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>341.442.141.509</td> <td>77.736.398.493</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>284.397.953.007</td> <td>(5.989.289.971)</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>268.692.305.261</td> <td>1.081.910.567</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>366.526.079.269</td> <td>48.759.490.424</td> </tr> <tr> <td>6T-2025 (*)</td> <td>180.657.247.401</td> <td>317.012.615</td> </tr> </tbody> </table> | Năm                                  | Doanh thu (VNĐ)        | Lợi nhuận sau thuế (VNĐ) | 2021 | 341.442.141.509 | 77.736.398.493 | 2022 | 284.397.953.007 | (5.989.289.971) | 2023 | 268.692.305.261 | 1.081.910.567 | 2024 | 366.526.079.269 | 48.759.490.424 | 6T-2025 (*) | 180.657.247.401 | 317.012.615 | <p>VinaCapital là công ty tiên phong trong lĩnh vực quỹ mở và các sản phẩm <b>phẩm</b> đầu <b>tư</b> cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. VinaCapital đang quản lý các sản phẩm và dịch vụ đầu tư sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh <b>Nâng Cao</b> VinaCapital (“VINACAPITAL-VFF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh <b>Doanh Nghiệp Hàng Đầu</b> VinaCapital (“VINACAPITAL-VEOF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường <b>Tăng Trưởng Chiến Lược</b> VinaCapital (“VINACAPITAL-VESAF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng <b>Gắn Kết</b> VinaCapital (“VINACAPITAL-VIBF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (“VINACAPITAL-VLBF”);</li> <li>- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh tế Hiện đại VinaCapital (“VINACAPITAL-VMEEF”);</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu <b>Cổ Tức Năng Động Cơ Hội Tiên Phong</b> VinaCapital (“VINACAPITAL-VDEF”);</li> <li>- Quỹ ETF VinaCapital VN100;</li> <li>- <b>Quỹ ETF VinaCapital VNMITECH;</b></li> <li>- <b>Quỹ ETF VinaCapital VN50 GROWTH;</b></li> <li>- Dịch Vụ Quản Lý Danh Mục Ủy Thác Đầu Tư – Ngoài các quỹ mở, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital cũng đã phát triển dịch vụ quản lý danh mục ủy thác đầu tư trong các năm vừa qua nhằm phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân có vốn lớn và/hoặc nhu cầu đầu tư mà quỹ mở chưa đáp ứng được.</li> </ul> <p>...</p> <p><b>3.4.2. Tình Hình Hoạt Động Kinh Doanh Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong 5 Năm Gần Nhất</b></p> |  |
| Năm         | Doanh thu (VNĐ) | Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)   |                                      |                        |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |
| 2021        | 341.442.141.509 | 77.736.398.493   |                                      |                        |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |
| 2022        | 284.397.953.007 | (5.989.289.971)  |                                      |                        |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |
| 2023        | 268.692.305.261 | 1.081.910.567  |                                      |                        |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |
| 2024        | 366.526.079.269 | 48.759.490.424   |                                      |                        |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |
| 6T-2025 (*) | 180.657.247.401 | 317.012.615  |                                      |                        |                          |      |                 |                |      |                 |                 |      |                 |               |      |                 |                |             |                 |             |   |  |

| STT | Điều khoản                          | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   |                 |                          | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|-------------------------------------|--|--|-----------------|--------------------------|---|
|     |                                     |  | Năm  | Doanh thu (VND) | Lợi nhuận sau thuế (VND) |   |
|     |                                     | (*) Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, đã soát xét.<br><br>...  | 2021   | 341.442.141.509 | 77.736.398.493           |   |
|     |                                     |  | 2022   | 284.397.953.007 | (5.989.289.971)          |   |
|     |                                     |  | 2023   | 268.692.305.261 | 1.081.910.567            |   |
|     |                                     |  | 2024   | 366.526.079.269 | 48.759.490.424           |   |
|     |                                     |  | 2025   | 403.174.866.460 | 23.195.316.886           |   |
|     |                                     |  | (*) Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, đã soát xét.<br><br>...  |                 |                          |   |
| 9.  | VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN               | Hàng năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư.   | Hàng năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và <b>thỏa mãn các điều kiện nêu tại Điều 50, Điều lệ Quỹ</b> để Ban Đại Diện Quỹ <b>trình Đại hội nhà đầu tư</b> xem xét và lựa chọn theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư.   |                 |                          | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |
| 10. | VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ | Danh sách đại lý phân phối được liệt kê chi tiết trong Phụ Lục 2 Bản Cáo Bạch này.<br><br>Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Đại Lý Phân Phối mới hoặc chỉ định Đại Lý Ký Danh (nếu có) theo các quy định về Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh (nếu có) tại Chương 9 của Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có Đại Lý Phân Phối mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới các Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất. | Danh sách đại lý phân phối được liệt kê chi tiết trong Phụ Lục 2 Bản Cáo Bạch này.<br><br>Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Đại Lý Phân Phối mới hoặc chỉ định Đại Lý Ký Danh (nếu có) theo các quy định về Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh (nếu có) tại Chương 9 của Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có Đại Lý Phân Phối mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới các Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất. <b>Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo Bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ</b> |                 |                          | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |

11/09/2025

| STT | Điều khoản  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|---|--|---|---|
|     |   |  | <b>thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.</b>  |   |
| 11. | VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN                               | <p>...</p> <p>2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng</p> <p>Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 18 tháng 12 năm 2008</p> <p>Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), ngày 08/08/2023</p> <p>...</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p> | <p>...</p> <p>2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng</p> <p>Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 18 tháng 12 năm 2008</p> <p>Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 028/08/2023</b></p> <p>...</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p> | Sửa đổi cho phù hợp                         |
| 12. | IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ<br>2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ | <p>...</p> <p>1.3. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 107/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 06 năm 2024</p> <p>...</p> <p>2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư</p> <p>...</p>  | <p>...</p> <p>1.3. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 107/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 06 năm 2024 và <b>các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm.</b></p> <p>...</p> <p>2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư</p>   | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|---|------------------------|
|     |            | <p>(a) Nhà Đầu Tư là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ nắm giữ.</p> <p>...</p> <p>2.8. Đại Hội Nhà Đầu Tư</p> <p>...</p> <p>Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật.</p> <p>(a) Đại hội Nhà đầu tư thường niên:</p> <p>Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>...</p> <p>(d) Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>...</p> <p>- Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức hợp dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting). Trường hợp cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa</p> | <p>...</p> <p>(a) Nhà Đầu Tư là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước, <b>sở hữu ít nhất là một (01) chứng chỉ quỹ trở lên</b>. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ nắm giữ.</p> <p>...</p> <p>2.8. Đại Hội Nhà Đầu Tư</p> <p>...</p> <p>Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ <b>Quỹ</b> và của Pháp Luật.</p> <p>(a) Đại hội Nhà đầu tư thường niên:</p> <p>Đại hội Nhà đầu tư thường niên <b>của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên thì Đại hội Nhà đầu tư thường niên</b> được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. <b>Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>...</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>điểm họp đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</p> <p>...</p> <p>(e) Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>_ Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc tham dự Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc thực hiện gửi phiếu biểu quyết từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác).</p> <p>...</p> <p>2.9. Ban Đại Diện Quỹ</p> <p>...</p> <p>(c) Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>...</p> <p>- Chấp thuận các vấn đề liên quan đến các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận. Chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban Đại Diện quỹ xem xét, quyết định.</p> <p>...</p> | <p>(d) Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>...</p> <p>- Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức họp dưới hình thức họp tập trung <b>trực tiếp</b> hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (<i>e-voting</i>) <b>hoặc hình thức điện tử khác (nếu có)</b>. Trường hợp cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</p> <p>...</p> <p>(e) Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>_ Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc tham dự Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc thực hiện gửi phiếu biểu quyết từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) <b>tham gia và biểu quyết trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.</b></p> <p>...</p> <p>2.9. Ban Đại Diện Quỹ</p> <p>...</p> <p>(c) Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|---|------------------------|
|     |            | <p>- Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại Mục (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii), (viii) của điểm 2.8 (c) nêu trên theo quy định của pháp luật;</p> <p>...</p> <p>(g) Cuộc họp Ban đại diện Quý được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên.</p> <p>Cuộc họp của Ban đại diện Quý được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Quyết định của Ban đại diện Quý được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban đại diện Quý.</p> <p>...</p> | <p>...</p> <p>- Chấp thuận các vấn đề liên quan đến các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (<b>trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ</b>). Chấp thuận của Ban Đại Diện Quý phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch. <b>Chấp thuận của Ban đại diện quý đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch, và giao dịch phải được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày được Ban đại diện quý chấp thuận.</b> Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quý phải giải thích rõ lý do để Ban Đại Diện Quý xem xét, quyết định.</p> <p>...</p> <p>- Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại Mục (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii), (viii) của điểm 2.8 (c) nêu trên theo quy định của pháp luật;</p> <p>...</p> |                        |

| STT | Điều khoản  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung   |
|-----|---|---|--|--|
|     |   |   | <p>(g) Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên.</p> <p>Cuộc họp của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ.</p> <p>...</p>   |  |
| 13. | <p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>3. Mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của Quỹ</p> | <p>3.1. Mục Tiêu Đầu Tư</p> <p>Mục tiêu của Quỹ là mang lại thu nhập bền vững cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn, thông qua việc đầu tư năng động vào cổ phiếu các công ty niêm yết có tỷ suất cổ tức cao và ổn định, đồng thời có triển vọng tăng giá.</p> <p>3.2. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản</p> <p>3.2.1. Chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào cổ phiếu các công ty niêm yết có nền tảng tài chính và dòng tiền tốt, có khả năng tạo ra một tỷ suất cổ tức cao và bền vững qua các năm, nhưng vẫn có khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận nhờ vào mô hình kinh doanh có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cao.</p> <p>3.2.2. Quỹ cũng có thể đầu tư các tài sản tạo thu nhập cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng</p> | <p>3.1. Mục tiêu đầu tư</p> <p><del>Mục tiêu của Quỹ là mang lại thu nhập bền vững cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn, thông qua việc đầu tư năng động vào cổ phiếu các công ty niêm yết có tỷ suất cổ tức cao và ổn định, đồng thời có triển vọng tăng giá.</del></p> <p><b>Quỹ tập trung tìm kiếm những cơ hội đầu tư vào cổ phiếu của những doanh nghiệp ít được thị trường để ý đến và đang được định giá hấp dẫn.</b></p> <p><b>Mục tiêu của Quỹ là mang lại lợi nhuận vượt trội trong trung và dài hạn cho nhà đầu tư, đồng thời tối ưu hóa mối tương quan giữa lợi nhuận và rủi ro thông qua chiến lược quản lý chủ động và xây dựng danh mục đầu tư một cách kỷ luật.</b></p> <p>3.2. Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản</p> | <p>Cập nhật mục tiêu đầu tư của Quỹ.</p> <p>Cập nhật chiến lược đầu tư của Quỹ.</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.</p> |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|---|------------------------|
|     |            | <p>tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.</p> <p>3.2.3. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ dựa trên đánh giá về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật.</p> <p>3.2.4. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:</p> <p>...</p> <p>(d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>(e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;</p> <p>...</p> <p>3.2.5. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại 3.2.4 (e) phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>...</p> <p>(c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</p> <p>3.3. Hạn Chế Đầu Tư</p> | <p>3.2.1. Chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào cổ phiếu các công ty niêm yết có nền tảng tài chính và dòng tiền tốt, có khả năng tạo ra một tỷ suất cổ tức cao và bền vững qua các năm, nhưng vẫn có khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận nhờ vào mô hình kinh doanh có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cao.</p> <p>3.2.2. Quỹ cũng có thể đầu tư các tài sản tạo thu nhập cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.</p> <p>3.2.3. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ dựa trên đánh giá về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật. <b>Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư chủ động với mức độ tập trung cao, hướng đến việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư tăng trưởng đang được định giá hấp dẫn.</b></p> <p><b>Quỹ ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp vốn hóa vừa và nhỏ sở hữu mô hình kinh doanh có khả năng mở rộng, hoặc được kỳ vọng có bước đột phá, cùng các động lực đủ mạnh để mở ra dư địa định giá cao hơn cho cổ phiếu.</b></p> <p><b>Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tỷ trọng các ngành nghề và cổ phiếu được điều chỉnh phù hợp với từng chu kỳ kinh tế.</b></p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>3.3.1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>(a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại mục 3.2.4 (a), (b) của Bản Cáo Bạch này;</p> <p>(b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính Phủ;</p> <p>(c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành và các tài sản (nếu có) quy định tại mục 3.2.4 (a), (b) của một tổ chức phát hành (trừ công cụ nợ của Chính Phủ);</p> <p>(d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục 3.2.4 (a), (b), (d), (e) và (f) phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;</p> <p>(e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục 3.2.4 (e) của Bản cáo bạch này;</p> <p>(f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại mục 3.2.4 (b), (d), (e) và (g) của</p> | <p><b>Quỹ kiểm soát rủi ro bằng việc tuân thủ một quy trình đầu tư có kỷ luật, nhằm đạt được mục tiêu đầu tư ở mức rủi ro hợp lý.</b></p> <p>3.2.42. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:</p> <p>(a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</p> <p>...</p> <p>(d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, <b>cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</b></p> <p>(e) <b>Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có tín dụng hoặc cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư.</b></p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|---|------------------------|
|     |            | <p>Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (01) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;</p> <p>...</p> <p>(k) Danh mục đầu tư của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.</p> <p>3.5. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư</p> <p>Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản của Quỹ như đề cập bên trên và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ của Quỹ và quy định liên quan của Pháp Luật</p> | <p><b>Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật;</b></p> <p>(f) Chứng khoán phái sinh niêm yết <b>giao dịch</b> tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p><b>(h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.</b></p> <p>3.2.53. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục 3.2.42 (e) phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>...</p> <p><b>(c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có Có-đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</b></p> <p><b>(d) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;</b></p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|--|------------------------|
|     |            |                                     | <p>(e) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.</p> <p>3.2.4. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại mục 3.2.2 (e) hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống.</p> <p>3.2.5. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục 3.2.2 (f) phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>(a) Quỹ đang nắm giữ tối thiểu năm mươi phần trăm (50%) số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</p> <p>(b) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ;</p> <p>(c) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công Ty</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|--|------------------------|
|     |            |                                     | <p>Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.</p> <p>3.3. Hạn Chế Đầu Tư</p> <p>3.3.1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và <b>phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ và công bố tại Bản Cáo Bạch quy định của Pháp Luật.</b> Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>(a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại mục 3.2.42 (a), (b) của Bản Cáo Bạch này;</p> <p>(b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một <b>(01)</b> tổ chức phát hành quá <b>mười phần trăm (10%)</b> tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>(c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại mục 3.2.2 (a), (b) của một <b>(01)</b> tổ chức phát hành, và các tài sản (nếu có) quy định tại mục 3.2.4 (a), (b) của một tổ chức phát hành (trừ công cụ nợ của Chính Phủ);</p> <p>(d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|---|------------------------|
|     |            |                                     | <p>mục 3.2.4 (a), (b), (d), (e), và (f) và (h), phát hành bởi các công ty trong cùng một (01) nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên <b>ba mươi lăm phần trăm (35%)</b> cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một (01) công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định <del>é liên quan</del> <b>tại Phụ lục 4 Điều Lệ Quý; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quý vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;</b></p> <p>(e) Không được đầu tư quá <del>mười</del> <b>hai mươi</b> phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quý vào các tài sản quy định tại mục 3.2.42 (e) của Bản cáo bạch này; <b>trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quý vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại mục 3.2.2 (e) của Bản cáo bạch này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quý không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quý vào các tài sản quy định tại mục 3.2.2 (e) của Bản cáo bạch này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại mục 3.2.2 (e) của Bản cáo bạch này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</b></p> <p>(f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quý không được vượt quá bốn mươi phần</p> |                        |

| STT | Điều khoản  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|---|--|---|---|
|     |   |  | <p>trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quý. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quý là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại mục 3.2.42 (b), (d), (e), và (g) và (h) của Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (01) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quý;</p> <p>...</p> <p><b>(l) Không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một (01) mã chứng quyền có bảo đảm.</b></p> <p>...</p> <p>3.5. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư</p> <p>Công Ty Quản Lý Quý sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản của Quý như đề cập bên trên và các sửa đổi, bổ sung của Quý vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ của Quý và quy định liên quan của Pháp Luật.</p> <p>...</p> |   |
| 14. | <p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ</p> | <p>...</p> <p>4.1.Mua Chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>(c) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Chứng chỉ quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quý tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn theo quy định tại Chương XI, Mục 3.1 để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong</p> | <p>...</p> <p>4.1.Mua Chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>(c) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Chứng chỉ quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quý tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn theo quy định tại Chương XI, Mục 3.1 để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong</p>  | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
|     |            | <p>trường hợp việc thanh toán cho một <b>Lệnh Mua Được Chấp Nhận</b> được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó và giá trị thanh toán, tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó. Mọi khoản đầu tư mua Chứng chỉ quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát với nội dung chuyển khoản như được hướng dẫn chi tiết tại Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.</p> <p>...</p> <p>4.2. Bán Chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>4.2.2. Quy Trình Xử lý Lệnh Bán</p> <p>(a) Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Bán trong đó xác định rõ số Chứng chỉ quỹ muốn bán.</p> <p>(b) Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng, kiểm tra và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà Đầu Tư có đủ số Chứng chỉ quỹ trong tài khoản để bán.</p> <p>(c) Chứng chỉ quỹ được Quỹ mua lại từ tài khoản của Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Nếu một Lệnh Bán có số lượng hoặc giá trị Chứng chỉ quỹ nhiều hơn số đang nắm giữ trong tài khoản thì tài khoản sẽ bị đóng bằng cách bán toàn bộ số dư còn lại trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Nhà Đầu Tư.</p> <p>(d) Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp chỉ được thực hiện một phần hoặc không bị tạm dừng theo quy định tại Chương IX Mục 4.4 sẽ được giao dịch tại mức Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại, thuế, và phí ngân hàng (nếu có)</p> | <p>trường hợp việc thanh toán cho một <b>(01) Lệnh Mua Được Chấp Nhận</b> được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ <b>tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó và giá trị thanh toán, tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó.</b> Mọi khoản đầu tư mua Chứng chỉ quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát với nội dung chuyển khoản như được hướng dẫn chi tiết tại Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.</p> <p>...</p> <p>4.2. Bán Chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>4.2.2. Quy Trình Xử lý Lệnh Bán</p> <p>(a) Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Bán trong đó xác định rõ số Chứng chỉ quỹ muốn bán.</p> <p>(b) Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng, kiểm tra và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà Đầu Tư có đủ số Chứng chỉ quỹ trong tài khoản để bán.</p> <p>(c) Chứng chỉ quỹ được Quỹ mua lại từ tài khoản của Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Nếu một Lệnh Bán <b>é dẫn đến số lượng hoặc giá trị Chứng chỉ quỹ nhiều còn lại thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ duy trì tối thiểu số đang nắm giữ trong tài khoản</b> thì tài khoản sẽ bị đóng bằng cách bán toàn bộ số dư còn lại <b>Lệnh Bán sẽ được thực hiện đối với toàn bộ chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản bằng không (0)</b> trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Nhà Đầu Tư.</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>tại Ngày Giao Dịch tương ứng căn cứ vào ngày giờ nhận lệnh Bán xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.</p> <p>...</p> <p>(g) Tiền bán Chứng chỉ quỹ sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mang tên nhà đầu tư hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định.</p> <p>...</p> <p>4.4. Mua lại Một Phần và Tạm Dừng Giao Dịch Chứng chỉ quỹ</p> <p>4.4.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc</p> <p>(b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:</p> <p>(i) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ); hoặc</p> <p>(ii) Giá trị phần Chứng chỉ quỹ hoặc số Chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn số Chứng chỉ quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Bản Cáo Bạch này; hoặc</p> <p>(iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại Mục (i) bên trên) hoặc số Chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được Đại Hội</p> | <p>(d) Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp chỉ được thực hiện một phần hoặc không bị tạm dừng theo quy định tại Chương IX Mục 4.4 sẽ được giao dịch tại mức Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại, thuế, và phí ngân hàng (nếu có) tại Ngày Giao Dịch tương ứng căn cứ vào ngày giờ nhận lệnh Bán xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh. <b>Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</b></p> <p>...</p> <p>(g) Tiền bán Chứng chỉ quỹ sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Tiền bán chứng chỉ quỹ được <b>Quỹ</b> chuyển <b>kh khoản</b> vào tài khoản ngân hàng mang tên của Nhà đầu tư hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định <b>hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản Cáo Bạch.</b></p> <p>...</p> <p>4.4. Mua lại Một Phần và Tạm Dừng Giao Dịch Chứng chỉ quỹ mở, <b>mức phòng vệ thanh khoản</b></p> <p>4.4.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận <del>do</del> từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận <del>do</del> từ hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn <b>hoặc bằng năm</b> <del>mười</del> phần trăm (4<b>0</b>5%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc</p> <p>(b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
|     |            | <p>Nhà Đầu Tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố (nếu có); hoặc</p> <p>(iv) Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố (nếu có); hoặc</p> <p>(v) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định trong Điều Lệ và của Pháp Luật.</p> <p>4.4.2. Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Chương IX Mục 4.4.1 phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>...</p> | <p>(i) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi <b>(50)</b> tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ); hoặc</p> <p>(ii) Giá trị phần Chứng chỉ quỹ hoặc số <b>lượng</b> Chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn <b>giá trị tối thiểu hoặc</b> số Chứng chỉ quỹ <del>hoặc giá trị tối thiểu</del> để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Bản Cáo Bạch này; hoặc</p> <p>(iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại Mục (i) bên trên) hoặc số Chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố <b>tại Bản Cáo Bạch</b> (nếu có); hoặc</p> <p>(iv) Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt, được quy định tại Điều Lệ Quỹ và đã được công bố <b>tại Bản Cáo Bạch</b> (nếu có); hoặc</p> <p>(v) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định <del>trong</del> <b>tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, và phù hợp với quy định</b> của Pháp Luật.</p> <p><del>4.4.2. Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Chương IX Mục 4.4.1 phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</del></p> <p>...</p> <p><b>4.4.10 Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:</b></p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|---|------------------------|
|     |            |                                     | <p>(a) Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với Nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản Cáo Bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ;</p> <p>(b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm (2%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch tương ứng. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối;</p> <p>(c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông báo tới Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản;</p> <p>(d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ, thông báo tới Đại Lý Phân Phối, tổ</p> |                        |

| STT | Điều khoản   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung         |
|-----|--|---|--|--------------------------------|
|     |  |   | <p>chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt;</p> <p>(e) Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p>   |                                |
| 15. | <p>PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG</p> | <p>1. Căn cứ pháp lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</li> <li>- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;</li> <li>- Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;</li> <li>...</li> <li>- Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</li> <li>...</li> </ul> | <p>1. Căn cứ pháp lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 <del>do đã được</del> Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành <del>thông qua</del> vào ngày 26 tháng 11 năm 2019; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</li> <li>- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 <del>do đã được</del> Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, <del>các văn bản sửa đổi bổ sung</del> Luật Doanh Nghiệp;</li> <li>- Luật số 56/2024/QH15 <del>do đã được</del> Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;</li> <li>...</li> <li>- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về chứng</li> </ul> | <p>Cập nhật căn cứ pháp lý</p> |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|---|------------------------|
|     |            |                                     | <p><b>khoản phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;</b></p> <p>...</p> <p>- Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;</p> <p>...</p> <p>- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;</p> <p>- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;</p> <p>...</p> |                        |

| STT | Điều khoản                                    | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung  |
|-----|---|---|---|---|
| 16. | XI. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO | <p>...</p> <p>1. Chương trình đầu tư</p> <p>1.1. Chương trình đầu tư linh hoạt</p> <p>...</p> <p>1.2. Chương trình đầu tư định kỳ</p> <p>...</p> <p>...</p> <p>2. Ngày giao dịch, tần suất giao dịch và phương thức giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>a) Ngày giao dịch và tần suất giao dịch</p> <p>Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng (phi thương mại) chứng chỉ quỹ vào các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp; trong những trường hợp trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng.</p> <p>Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, cập nhật vào Bản cáo bạch, được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ Quý và công bố thông tin theo quy định. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</p> <p>...</p> <p>3. Thời điểm đóng sổ lệnh và thời hạn xác nhận giao dịch</p> <p>...</p> <p>Trường hợp thời điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có), thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho nhà đầu tư, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có</p> | <p>...</p> <p>1. Chương trình đầu tư</p> <p>1.1. Chương trình đầu tư linh hoạt (<b>VinaFlex</b>)</p> <p>...</p> <p>1.2. Chương trình đầu tư định kỳ (<b>VinaSip</b>)</p> <p>...</p> <p>...</p> <p>2. Ngày giao dịch, tần suất giao dịch và phương thức giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>a) Ngày giao dịch và tần suất giao dịch</p> <p>Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng (phi thương mại) chứng chỉ quỹ vào các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là <b>rơi vào</b> ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ lễ, <b>các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b>, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp; trong những trường hợp trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng.</p> <p>Việc thay đổi Ngày Giao Dịch <b>sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch</b>, thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, <del>sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch</del>, được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ Quý và công bố thông tin theo quy định. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</p> <p>...</p> <p>Trường hợp Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ, <b>các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b>, hoặc ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có), thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho nhà đầu tư, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khi Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào các</p> | <p>Cập nhật cho phù hợp với hoạt động thực tế của Quỹ và phù hợp với quy định pháp luật</p> |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>liên quan khi thời điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào các trường hợp trên trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.</p> <p>...</p> <p>6. Bán Chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>6.2. Giá mua lại, Giá Dịch Vụ Mua Lại và Thanh Toán</p> <p>...</p> <p>Ví dụ: vào Ngày Giao Dịch T, NAV của một Chứng chỉ quỹ là 12.000 VNĐ, Nhà Đầu Tư cá nhân bán 500,12 Chứng chỉ quỹ, Giá Dịch Vụ Mua Lại là 0% NAV và thuế áp dụng đối với giao dịch bán Chứng chỉ quỹ phải giữ lại tại nguồn là 0,1% trên giá trị giao dịch. Lệnh Bán sẽ được thực hiện như sau:</p> <p>...</p> <p>6.4. Thanh Toán Tiền Bán Chứng chỉ quỹ Cho Nhà Đầu Tư</p> <p>Tiền bán Chứng chỉ quỹ sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Chứng chỉ quỹ tới tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Chứng chỉ quỹ.</p> <p>Tiền bán Chứng chỉ quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu Tư với số tài khoản đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định trong Sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Chứng chỉ quỹ.</p> <p>...</p> <p>12. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng</p> <p>12.1. Tần Suất Định Giá Chứng chỉ quỹ</p> <p>Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành định giá Chứng chỉ quỹ định kỳ theo ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty quản lý quỹ (nếu có) thì Ngày định giá sẽ</p> | <p>trường hợp trên trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.</p> <p>6. Bán Chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>6.2. Giá mua lại, Giá Dịch Vụ Mua Lại và Thanh Toán</p> <p>...</p> <p>Ví dụ: vào Ngày Giao Dịch T, NAV của một Chứng chỉ quỹ là 12.000 VNĐ, Nhà Đầu Tư cá nhân bán 500,12 Chứng chỉ quỹ, Giá Dịch Vụ Mua Lại là 0% NAV <b>giá trị của Lệnh bán</b> và thuế áp dụng đối với giao dịch bán Chứng chỉ quỹ phải giữ lại tại nguồn là 0,1% trên giá trị giao dịch. Lệnh Bán sẽ được thực hiện như sau:</p> <p>...</p> <p>6.4. Thanh Toán Tiền Bán Chứng chỉ quỹ Cho Nhà Đầu Tư</p> <p>Tiền bán Chứng chỉ quỹ sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Chứng chỉ quỹ tới tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Chứng chỉ quỹ. <b>Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</b></p> <p>Tiền bán Chứng chỉ quỹ sẽ được <b>Quỹ</b> chuyển khoản tới <del>tài khoản ngân hàng mang tên của Nhà đầu tư với số tài khoản đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định trong Sổ Đăng Ký, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định.</del> Nhà Đầu Tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Chứng chỉ quỹ.</p> <p>...</p> <p>12. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng</p> <p>12.1. Tần Suất Định Giá Chứng chỉ quỹ</p> |                        |

| STT | Điều khoản                                    | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|---|--|--|---|
|     |   | <p>được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.</p> <p>...</p>  | <p>Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành định giá Chứng chỉ quỹ định kỳ theo ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, <b>các ngày làm việc bù rơi vào ngày Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b>, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty quản lý quỹ (nếu có) thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.</p> <p>...</p> |   |
| 17. | XI. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO | <p>Tiền (VNĐ)</p> <p>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.</p>  | <p>Tiền (VNĐ)</p> <p>Số dư tiền <del>mặt</del> tại ngày trước Ngày Định Giá.</p>   | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |
| 18. | 12.5. Phương Pháp Định Giá Tài Sản            | <p>Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác</p> <p>Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá</p>  | <p>Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác</p> <p>= Giá mua cộng <del>với</del> lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá</p>   |   |
| 19. |   | <p>Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác</p> <p>Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ.</p> | <p>Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác</p> <p>Giá yết <b>bình quân</b> trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo <del>hoặc</del> mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/<del>Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán</del> quy định và thời gian nắm giữ công cụ.</p>  |   |
| 20. |   | <p>Trái phiếu niêm yết</p> <p>Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy</p>   | <p>Trái phiếu niêm yết, <b>Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán</b></p> <p><del>Được xác định theo</del> Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy</p>   |   |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
|     |            | <p>định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở Giao dịch chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>• Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá</li> </ul> <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.</p> | <p>định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở Giao dịch chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>• Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá</li> </ul> <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.</p> <p><b>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường vượt quá +/- 0,3% so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:</b></p> <p>(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> |                        |
| 21. |            | <p>Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết</p> <p>Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá.</p>   | <p>Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có ngày giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch</p> <p>Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá.</p>  |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|--|------------------------|
|     |            |  | <p>Giá trái phiếu được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <p>(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>  |                        |
| 22. |            |  | <p>Trái phiếu bị hủy niêm yết theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán do gần đến ngày đáo hạn hoặc do tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước ngày đáo hạn (đáo hạn sớm), áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch</p> <p>Giá trái phiếu sẽ được xác định là mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p> |                        |
| 23. |            |  | <p>Trái phiếu bị hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì các lý do khác, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch</p> <p>Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.</p>   |                        |
| 24. |            | <p>Trái phiếu không niêm yết</p> <p>Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết quy định tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> | <p>Trái phiếu không niêm yết</p> <p>Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết <b>thứ tự ưu tiên được</b> quy định tại sổ tay định giá:</p>  |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|---|------------------------|
|     |            | <p>(iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>  | <p>(i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất <del>cuồng</del> <b>phiếu lũy kế</b> tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>   |                        |
| 25. |            | <p>Cổ phiếu niêm yết, trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p> | <p><del>Cổ phiếu niêm yết, trên Sở giao dịch chứng khoán, e cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</del> <b>cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết</b></p> <p><del>Được xác định theo giá thị trường, là g</del>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày e có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p><del>Trong Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</del></p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
| 26. |            |  | <p><b>Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch</b></p> <p><b>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</b></p> <p><b>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</b></p> <p><b>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</b></p> <p><b>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</b></p> <p><b>(iii) Giá mua; hoặc</b></p> <p><b>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</b></p> |                        |
| 27. |            | <p>Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch</p> <p>Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> | <p><del>Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch</del></p> <p><del>Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</del></p>  |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|--|------------------------|
| 28. |            | <p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> | <p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch <b>không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</b></p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>  |                        |
| 29. |            |  | <p><b>Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</b></p> <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau với quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> |                        |
| 30. |            | <p>Cổ phần, phần vốn góp khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày</p>  | <p>Cổ phần, phần vốn góp khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày</p>  |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
|     |            | <p>định giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo một phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p> | <p><del>định giá của</del> <b>dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá của</b> tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá <del>cung cấp</del> <b>không phải là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.</b> Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với <del>thứ tự ưu tiên</del> <b>được</b> quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo một phương pháp được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> |                        |
| 31. |            | <p>Quyền mua cổ phiếu</p> <p>Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.</p>   | <p>Quyền mua cổ phiếu</p> <p><del>Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.</del></p> <p><b>Giá trị quyền mua cổ phiếu là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.</b></p>   |                        |
| 32. |            | <p>Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p>  | <p>Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</p> <p><del>Được xác định theo giá thị trường, là</del> <b>Giá</b> đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày <del>có</del> <b>giao dịch gần nhất</b> trước Ngày Định Giá.</p>   |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|--|------------------------|
|     |            | <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc</p> <p>(ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(v) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p> | <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn <b>mười lăm (15)</b> ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin <b>trên trang thông tin của UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ</b> tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc</p> <p>(ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(iii) (ii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iv) (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> |                        |
| 33. |            |  | <p><b>Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</b></p> <p><b>Là một trong các mức giá sau:</b></p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>  |                        |
| 34. |            | Chứng khoán phái sinh niêm yết   | Chứng khoán phái sinh niêm yết   |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
|     |            | Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. | <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p><b>Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</b></p> |                        |
| 35. |            |  | <p><b>Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</b></p> <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p><b>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</b></p> <p><b>(ii) Giá mua; hoặc</b></p> <p><b>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</b></p>  |                        |
| 36. |            | Các tài sản được phép đầu tư khác  | Các tài sản được phép đầu tư khác   |                        |

| STT | Điều khoản                       | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                               |
|-----|----------------------------------|---|---|--|
|     |                                  | Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.   | Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá <b>do dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá</b> của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá <b>ưng cấp không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và được Ban đại diện quỹ phê duyệt.</b> Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận  |  |
| 37. |                                  | <p>Ghi chú:</p> <p>(i) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.</p> <p>(iii) Giá trị thanh lý của 1 cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành</p> <p>(iv) Ngày được hiểu là ngày theo lịch</p> | <p>Ghi chú:</p> <p>(i) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;</p> <p>(iii) Giá trị thanh lý của <b>một (01)</b> cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;</p> <p><b>(iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam) để tham khảo;</b></p> <p>(v) Ngày được hiểu là ngày theo lịch.</p> |  |
| 38. | XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ | <p>...</p> <p>3. Các loại giá dịch vụ, chi phí của Quỹ và thưởng hoạt động</p> <p>...</p>   | <p>...</p> <p>3. Các loại giá dịch vụ, chi phí của Quỹ và thưởng hoạt động</p> <p>...</p>   | Cập nhật cho phù hợp với tình hình hoạt động của Quỹ |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung   |
|-----|------------|---|--|--|
|     |            | <p>3.1.3. Giá Dịch Vụ Giám Sát</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát là không phải không ba phần trăm (0,03%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT) với mức tối thiểu là hai mươi một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.</p> <p>Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười bốn triệu bảy trăm nghìn (14.700.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát của kỳ định giá = 0,03% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)</p> <p>3.1.4. Giá Dịch Vụ Lưu Ký</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký là không phải không năm phần trăm (0,05%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có) với mức tối thiểu là mười bảy triệu (17.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Lưu Ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.</p> <p>Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười một triệu chín trăm nghìn (11.900.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).</p> <p>3.1.5. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ</p> <p>Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là không phải không bốn phần trăm (0,04%) một (01) năm trên NAV (chưa bao</p> | <p>3.1.3. Giá Dịch Vụ Giám Sát</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát là không phải không ba phần trăm (0,03%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT) với mức tối thiểu là hai mươi một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.</p> <p><del>Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười bốn triệu bảy trăm nghìn (14.700.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).</del></p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát của kỳ định giá = 0,03% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)</p> <p>3.1.4. Giá Dịch Vụ Lưu Ký</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký là không phải không năm phần trăm (0,05%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có) với mức tối thiểu là mười bảy triệu (17.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Lưu Ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.</p> <p><del>Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười một triệu chín trăm nghìn (11.900.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).</del></p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký của kỳ định giá = 0,05% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)</p> | <p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Cập nhật chính sách thuế</p> |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>gồm thuế GTGT nếu có) với mức tối thiểu là ba mươi triệu (30.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ.</p> <p>Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là hai một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).</p> <p>Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của kỳ định giá = 0,04% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký của kỳ định giá = 0,05% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)</p> <p>...</p> <p>3.1.7. Giá Dịch Vụ Kiểm Toán</p> <p>Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.</p> <p>...</p> <p>3.1.8 Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ</p> <p>Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của một thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ sẽ</p> | <p>3.1.5. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ</p> <p>Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là không phải không bốn phần trăm (0,04%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có) với mức tối thiểu là ba mươi triệu (30.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ.</p> <p><del>Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là hai một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).</del></p> <p>Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của kỳ định giá = 0,04% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)</p> <p>...</p> <p>3.1.7. Giá Dịch Vụ Kiểm Toán</p> <p>Giá dịch vụ kiểm toán <b>nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ</b>, phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. <del>Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.</del></p> <p>...</p> <p>3.1.8 Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ</p> <p>Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện Quỹ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.</p> <p>...</p> <p>Hàng quý, căn cứ trên biên bản họp của Ban đại diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ sẽ làm lệnh chuyển tiền thù lao cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên của thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân Hàng Giám Sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.</p> <p>...</p> <p>3.2. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Chứng chỉ quỹ do Nhà Đầu Tư trả</p> <p>...</p> <p>3.2.1. Giá Dịch Vụ Phát Hành</p> <p>...</p> <p>Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ, các Đại lý phân phối công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.</p> <p>3.2.2. Giá Dịch Vụ Mua Lại</p> <p>...</p> | <p>của một thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện Quỹ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.</p> <p>...</p> <p>Hàng quý, căn cứ trên biên bản họp của Ban đại diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ sẽ làm lệnh chuyển tiền thù lao cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên của thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan để nộp vào ngân sách nhà nước. <del>Ngân Hàng Giám Sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.</del></p> <p>...</p> <p>3.2. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Chứng chỉ quỹ do Nhà Đầu Tư trả</p> <p>...</p> <p>3.2.1. Giá Dịch Vụ Phát Hành</p> <p>...</p> <p>Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu <del>ba</del> mươi (630) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ, các Đại lý phân phối công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.</p> <p>...</p> <p>3.2.2. Giá Dịch Vụ Mua Lại</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|------------------------|
|     |            | <p>Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.</p> <p>3.2.3. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ</p> <p>...</p> <p>Việc tăng giá dịch vụ chuyển đổi chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ chuyển đổi sau khi tăng không vượt quá 3% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.</p> <p>...</p> <p>5. Thu nhập và phân chia lợi nhuận</p> <p>...</p> <p>5.2. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế</p> <p>...</p> <p>5.2.1.8. Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.</p> <p>...</p> <p>5.2.2. Chính sách thuế</p> | <p>...</p> <p>Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau <b>sáu ba</b> mươi (630) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.</p> <p>3.2.3. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ</p> <p>...</p> <p>Việc tăng giá dịch vụ chuyển đổi chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ chuyển đổi sau khi tăng không vượt quá <b>ba phần trăm (3%)</b> giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau <b>sáu ba</b> mươi (630) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.</p> <p>...</p> <p>5. Thu nhập và phân chia lợi nhuận</p> <p>...</p> <p>5.2. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế</p> <p>...</p> <p><del>5.2.1.8. Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.</del></p> |                        |



| STT   | Điều khoản   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                   |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |
|---|--|---|---|--|--|--|--|--------|-------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---|------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---|--|--|---|---|---|--|---------------------------------------|--|---|--|
|   |  | <p>...</p> <p>5.2.2.3. Bảng tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định Pháp Luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.</p> <table border="1" data-bbox="512 922 1144 1267"> <thead> <tr> <th data-bbox="517 922 667 943">Nhà Đầu Tư</th> <th colspan="3" data-bbox="674 922 1140 943">Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ</th> </tr> <tr> <th data-bbox="517 943 667 963"></th> <th data-bbox="674 943 824 963">Có tức</th> <th data-bbox="824 943 974 963">Bán Chứng chỉ quỹ</th> <th data-bbox="974 943 1140 963">Quả tặng/ Thừa kế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="517 963 667 1018">Cá nhân cư trú là người Việt Nam</td> <td data-bbox="674 963 824 1018">5%<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="824 963 974 1018">0,1% giá trị giao dịch<sup>(2)</sup></td> <td data-bbox="974 963 1140 1018">10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="517 1018 667 1072">Cá nhân cư trú là người nước ngoài</td> <td data-bbox="674 1018 824 1072">5%<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="824 1018 974 1072">0,1% giá trị giao dịch<sup>(2)</sup></td> <td data-bbox="974 1018 1140 1072">10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="517 1072 667 1200">Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)</td> <td data-bbox="674 1072 824 1200">20%, ngoại trừ trường hợp có tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(3)</sup></td> <td data-bbox="824 1072 974 1200">Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> <td data-bbox="974 1072 1140 1200">Lợi nhuận từ quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="517 1200 667 1267">Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)</td> <td data-bbox="674 1200 824 1267">20%, ngoại trừ trường hợp có tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(3)</sup></td> <td data-bbox="824 1200 974 1267">0,1% giá trị giao dịch<sup>(2)</sup></td> <td data-bbox="974 1200 1140 1267">0,1% giá trị giao dịch<sup>(2)(*)</sup></td> </tr> </tbody> </table> <p>...</p> <p>6. Kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo</p> | Nhà Đầu Tư  | Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ |  |  |  | Có tức | Bán Chứng chỉ quỹ | Quả tặng/ Thừa kế | Cá nhân cư trú là người Việt Nam | 5% <sup>(1)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup> | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND | Cá nhân cư trú là người nước ngoài | 5% <sup>(1)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup> | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND | Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam) | 20%, ngoại trừ trường hợp có tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(3)</sup> | Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20% | Lợi nhuận từ quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20% | Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam) | 20%, ngoại trừ trường hợp có tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(3)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)(*)</sup> | <p>...</p> <p>5.2.2. Chính sách thuế</p> <p>...</p> <p><del>5.2.2.3. Bảng tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định Pháp Luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.</del></p> <p><b>Bảng tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2026, và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào</b></p> |  |
| Nhà Đầu Tư  | Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ   |   |   |  |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |
|   | Có tức   | Bán Chứng chỉ quỹ   | Quả tặng/ Thừa kế   |  |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |
| Cá nhân cư trú là người Việt Nam                            | 5% <sup>(1)</sup>  | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup>   | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND   |  |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |
| Cá nhân cư trú là người nước ngoài                          | 5% <sup>(1)</sup>  | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup>   | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND   |  |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |
| Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)            | 20%, ngoại trừ trường hợp có tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(3)</sup> | Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%   | Lợi nhuận từ quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20% |  |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |
| Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam) | 20%, ngoại trừ trường hợp có tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(3)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup>   | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)(*)</sup>  |  |  |  |  |        |                   |                   |                                  |                   |                                       |   |                                    |                   |                                       |   |  |  |   |   |   |  |                                       |  |   |  |

| STT   | Điều khoản   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |
|---|--|---|---|------------------------|--|--|--|--|--------|---------------------------------|-------------------|----------------------------------|------------------------|--|--|------------------------------------|------------------------|--|--|--|--|---|---|---|--|---------------------------------------|--|--|
|   |  | <p>Công ty kiểm toán của Quý sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại Diện Quý (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quý.</p> <p>...</p> | <p><b>ngày 14 tháng 06 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và các quy định liên quan khác.</b></p> <table border="1" data-bbox="1182 284 1843 1066"> <thead> <tr> <th data-bbox="1182 284 1350 316">Nhà Đầu Tư</th> <th colspan="3" data-bbox="1350 284 1843 316">Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ</th> </tr> <tr> <td data-bbox="1182 316 1350 371"></td> <th data-bbox="1350 316 1518 371">Có tức</th> <th data-bbox="1518 316 1686 371">Chuyển nhượng Bán Chứng chỉ quỹ</th> <th data-bbox="1686 316 1843 371">Quả tặng/ Thừa kế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="1182 371 1350 595">Cá nhân cư trú là người Việt Nam</td> <td data-bbox="1350 371 1518 595">2,5% 5%<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="1518 371 1686 595">           - Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch<sup>(1)</sup><br/>           - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế<sup>(1)</sup><br/>           0,1% giá trị giao dịch<sup>(2)</sup> </td> <td data-bbox="1686 371 1843 595">10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1182 595 1350 818">Cá nhân cư trú là người nước ngoài</td> <td data-bbox="1350 595 1518 818">2,5% 5%<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="1518 595 1686 818">           - Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch<sup>(1)</sup><br/>           - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế<sup>(1)</sup><br/>           0,1% giá trị giao dịch<sup>(2)</sup> </td> <td data-bbox="1686 595 1843 818">10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1182 818 1350 970">Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)</td> <td data-bbox="1350 818 1518 970">20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="1518 818 1686 970">Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> <td data-bbox="1686 818 1843 970">Lợi nhuận từ quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1182 970 1350 1066">Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)</td> <td data-bbox="1350 970 1518 1066">20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="1518 970 1686 1066">0,1% giá trị giao dịch<sup>(1)</sup></td> <td data-bbox="1686 970 1843 1066">0,1% giá trị giao dịch<sup>(1)(2)</sup></td> </tr> </tbody> </table> <p>...</p> <p><b>6. Kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo</b></p> <p>Công ty kiểm toán của Quý sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người Có Liên Quan của</p> | Nhà Đầu Tư             | Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ |  |  |  | Có tức | Chuyển nhượng Bán Chứng chỉ quỹ | Quả tặng/ Thừa kế | Cá nhân cư trú là người Việt Nam | 2,5% 5% <sup>(1)</sup> | - Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)</sup><br>- Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế <sup>(1)</sup><br>0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup> | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND | Cá nhân cư trú là người nước ngoài | 2,5% 5% <sup>(1)</sup> | - Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)</sup><br>- Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế <sup>(1)</sup><br>0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup> | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND | Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam) | 20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(1)</sup> | Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20% | Lợi nhuận từ quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20% | Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam) | 20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(1)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)(2)</sup> |  |
| Nhà Đầu Tư  | Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ   |   |   |                        |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |
|   | Có tức   | Chuyển nhượng Bán Chứng chỉ quỹ   | Quả tặng/ Thừa kế   |                        |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |
| Cá nhân cư trú là người Việt Nam                            | 2,5% 5% <sup>(1)</sup>   | - Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)</sup><br>- Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế <sup>(1)</sup><br>0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup>  | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND  |                        |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |
| Cá nhân cư trú là người nước ngoài                          | 2,5% 5% <sup>(1)</sup>   | - Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)</sup><br>- Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế <sup>(1)</sup><br>0,1% giá trị giao dịch <sup>(2)</sup>  | 10% trên giá trị quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND  |                        |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |
| Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)            | 20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(1)</sup> | Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%   | Lợi nhuận từ quả tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%   |                        |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |
| Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam) | 20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(1)</sup> | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)</sup>   | 0,1% giá trị giao dịch <sup>(1)(2)</sup>  |                        |  |  |  |  |        |                                 |                   |                                  |                        |  |  |                                    |                        |  |  |  |  |   |   |   |  |                                       |  |  |

| STT | Điều khoản  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|---|---|--|---|
|     |   |   | Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.<br>...  |   |
| 39. | XVII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM                                    | Phụ Lục 1: Quy Trình Và Hướng Dẫn Giao Dịch Chứng chỉ quỹ<br><br>Phụ Lục 2: Danh Sách Các Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh  | Phụ Lục 1: Quy Trình Và Hướng Dẫn Giao Dịch Chứng chỉ quỹ<br><br>Phụ Lục 2: Danh Sách Các Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh<br><br><b>Phụ Lục 3: Chính sách áp dụng mức phòng vệ thanh khoản</b>  | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |
| 40. | Phụ Lục 1: Quy Trình Và Hướng Dẫn Giao Dịch Chứng chỉ quỹ | PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ<br>...<br>I. Giao dịch mua Chứng chỉ quỹ<br>1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản<br>...<br>* Đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam, chỉ chấp nhận Căn cước (Công dân) có gắn chip có thời hạn còn lại ít nhất sáu (06) tháng.<br>...<br>II. Giao dịch bán Chứng chỉ quỹ<br>...<br>Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký | PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ<br>...<br>I. Giao dịch mua Chứng chỉ quỹ<br>1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản<br>...<br>* Đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam, chỉ chấp nhận Căn cước (Công dân) có gắn chip có thời hạn còn lại ít nhất sáu (06) tháng <b>còn hiệu lực</b> .<br>...<br>II. Giao dịch bán Chứng chỉ quỹ<br>...<br>Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |

| STT | Điều khoản  | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung  |
|-----|---|---|---|---|
|     |   | Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.  | Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.<br><br><b>Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quý chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản Cáo Bạch.</b>  |   |
| 41. | Phụ Lục 2: Danh Sách Các Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh | <p><b>PHỤ LỤC 2 : DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH</b></p> <p>1. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital</p> <p>Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535</p> <p>Fax: (84 – 28) 3827 8536</p> <p>Email: irwm@vinacapital.com</p> <p>2. Công ty Cổ phần Fincorp (Fincorp)</p> <p>Địa chỉ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-28) 3636 1079</p> <p>Fax: (84-28) 3636 1078</p> <p>3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay</p> | <p><b>PHỤ LỤC 2 : DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH</b></p> <p>1. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital</p> <p>Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535</p> <p>Fax: (84 – 28) 3827 8536</p> <p>Email: irwm@vinacapital.com</p> <p><b>Website: <a href="https://mio.vinacapital.com">https://mio.vinacapital.com</a></b></p> <p><b>Ứng dụng: VinaCapital MiO</b></p> <p>2. Công ty Cổ phần Fincorp (Fincorp)</p> <p>Địa chỉ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-28) 3636 1079</p> <p>Fax: (84-28) 3636 1078</p> | <p>Cập nhật địa chỉ, website và ứng dụng của đại lý phân phối</p> <p>Cập nhật thêm đại lý phân phối</p> |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|------------------------|
|     |            | <p>Địa chỉ: Phòng 702 Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-24) 777 789 96</p> <p>4. Công ty Cổ phần Digi Invest</p> <p>Địa chỉ: Tầng 2, tòa Golden West, số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 0878 805 836</p> <p>5. Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank</p> <p>Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 1900636679</p> <p>6. Công ty Cổ phần InvestingPro</p> <p>Địa chỉ: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, số 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 0367 487 082</p> <p>7. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</p> <p>Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> | <p><b>Website: <a href="https://fmarket.vn">https://fmarket.vn</a></b></p> <p><b>Ứng dụng: fmarket</b></p> <p>3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay</p> <p>Địa chỉ: Phòng 702 Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-24) 777 789 96</p> <p><b>Ứng dụng: Finhay</b></p> <p>4. Công ty Cổ phần Digi Invest</p> <p>Địa chỉ: Tầng 2, tòa Golden West, số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 0878 805 836</p> <p><b>Ứng dụng: Digi Trading</b></p> <p>5. Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank</p> <p>Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 1900636679</p> <p><b>Website: <a href="https://neoinvest.vpbanks.com.vn/">https://neoinvest.vpbanks.com.vn/</a></b></p> <p><b>Ứng dụng: VPBank Securities - NEO Invest</b></p> <p>6. Công ty Cổ phần InvestingPro</p> |                        |



| STT | Điều khoản   | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung                      |
|-----|--|-------------------------------------|---|---|
|     |  |                                     | <p>Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-24) 357 300 7</p> <p><b>Website: <a href="https://iweb.gtjai.com.vn/">https://iweb.gtjai.com.vn/</a></b><br/> <b><a href="https://trading.gtjai.com.vn/">https://trading.gtjai.com.vn/</a></b><br/> <b><a href="https://webtrading.gtjai.com.vn/">https://webtrading.gtjai.com.vn/</a></b></p> <p><b>Ứng dụng: GTJAS Mobile</b></p> <p>10. Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt</p> <p>Địa chỉ: Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-28) 6299 2006</p> <p><b>Ứng dụng: iDragon</b></p> <p>11. Công ty Cổ phần Chứng khoán CV</p> <p>Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-28) 7303 8008</p> <p><b>Ứng dụng: Chứng chỉ Quỹ CVS</b></p> |   |
| 42. | Phụ Lục 3: Chính sách áp dụng mức phòng vệ thanh khoản |                                     | <p>PHỤ LỤC 03 : CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG MỨC PHÒNG VỆ THANH KHOẢN</p> <p>Chính sách này thiết lập khung quản trị, điều kiện kích hoạt, cơ sở tính toán, đánh giá và triển khai, quy định công bố thông tin và trách nhiệm liên quan đến Mức</p>   | Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật. |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|---|------------------------|
|     |            |                                     | <p>phòng vệ thanh khoản áp dụng cho Quỹ VINACAPITAL-VDEF.</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản là biện pháp ngoại lệ và tạm thời, chỉ được áp dụng khi nhà đầu tư thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ trong các trường hợp căng thẳng thanh khoản nghiêm trọng do nguyên nhân bất khả kháng, nhằm bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ và đảm bảo sự công bằng giữa tất cả nhà đầu tư.</p> <p>1. Điều kiện kích hoạt</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản chỉ được áp dụng khi Quỹ gặp tình trạng tính thanh khoản bị sụt giảm nghiêm trọng do nguyên nhân bất khả kháng và các biện pháp quản lý thanh khoản thông thường (như đáp ứng một phần lệnh bán của nhà đầu tư hoặc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ) không đủ hoặc không hiệu quả để bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư còn lại.</p> <p>Các tình huống điển hình, nhưng không giới hạn, có thể dẫn đến việc xem xét áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút vốn ròng đột ngột và quy mô lớn vượt xa khả năng thanh khoản thông thường của Quỹ, dẫn đến không thể đáp ứng lệnh bán của nhà đầu tư mà không phải bán tháo tài sản với mức chiết khấu rất cao; hoặc</li> <li>- Gặp khó khăn nghiêm trọng hoặc không thể thanh khoản hóa tài sản danh mục ở mức giá trị hợp lý hoặc gần hợp lý trong thời gian hợp lý, dẫn đến gây thiệt hại đáng kể cho các nhà đầu tư còn lại; hoặc</li> <li>- Khủng hoảng thị trường toàn diện, tạm ngừng giao dịch kéo dài đối với các lớp tài sản chính, sự cố hệ thống tại ngân hàng giám sát hoặc trung tâm thanh toán, thiên</li> </ul> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới   | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|--|------------------------|
|     |            |                                     | <p>tại, sự kiện chính trị hoặc các sự kiện bất khả kháng khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng hoạt động bình thường của Quý; hoặc</p> <p>- Các tình huống căng thẳng thanh khoản khác có thể xác minh khách quan, được Công ty quản lý quỹ đánh giá là đáp ứng tiêu chí bất khả kháng và được Ban đại diện quỹ hoặc Đại hội nhà đầu tư phê duyệt.</p> <p>2. Thông số và Cơ sở tính toán</p> <p>a) Cơ sở tính toán và Mức phòng vệ thanh khoản tối đa:</p> <p>- Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch. Trong trường hợp Quỹ áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mua lại chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm Mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>- Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm (2%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch tương ứng.</p> <p>b) Ghi nhận kế toán số tiền thu được từ Mức phòng vệ thanh khoản:</p> <p>Toàn bộ số tiền thu được từ Mức phòng vệ thanh khoản phải được hạch toán vào thu nhập của Quý.</p> <p>3. Đánh giá và Triển khai</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể sẽ được xác định theo từng trường hợp và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Thời điểm áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty quản lý</p> |                        |

| STT | Điều khoản | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới  | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-------------------------------------|---|------------------------|
|     |            |                                     | <p>quỹ và thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ đánh giá và quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định tại Chính sách này;</li> <li>- Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể theo từng trường hợp;</li> <li>- Việc chấm dứt áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản cho từng trường hợp cụ thể.</li> </ul> <p>Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty quản lý quỹ, thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt.</p> <p>4. Xem xét và cập nhật Chính sách</p> <p>Chính sách này được xem xét và cập nhật trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi có thay đổi đáng kể về điều kiện thị trường hoặc mô hình căng thẳng thanh khoản;</li> <li>- Sau mỗi lần áp dụng cơ chế (đánh giá sau sự kiện);</li> <li>- Khi có thay đổi quan trọng về pháp luật, quy định pháp lý hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý.</li> </ul> |                        |

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 02/01/2026 (15 ngày kể từ ngày nộp Bản Cáo Bạch cập nhật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và không nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản).
- Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

**Hồ sơ kèm theo:**

(Liệt kê đầy đủ)

- Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital  
Tổng Giám Đốc



Brook Colin Taylor